

# Đề cương ôn tập

## Môn Luật bảo hiểm

### Mục Lục

Câu hỏi 1. Để đảm bảo lợi ích khách hàng việc thành lập DNBH cần có những điều kiện gì thể hiện năng lực kinh doanh BH mới được cấp giấy phép hoạt động? .....	3
Câu hỏi 2. Điều kiện về vốn pháp định quy định như thế nào để doanh nghiệp bảo hiểm vừa nâng cao năng lực kinh doanh vừa đảm bảo cam kết với khách hàng? .....	3
Câu hỏi 3. Quy định về các DNBH đều phải ký quỹ để đảm bảo dùng tiền ký quỹ thanh toán bồi thường cho khách hàng trong tình huống xấu nhất có thể xảy ra thể hiện như thế nào? .....	5
Câu hỏi 4 Khả năng thanh toán sẵn sàng đáp ứng nhu cầu trả tiền, bồi thường cho rủi ro sự cố bất ngờ xảy ra đối với khách hàng của doanh nghiệp bảo hiểm được kiểm soát như thế nào? .....	6
Câu hỏi 5. Biên khả năng thanh toán tối thiểu của DNBH là một yếu tố quan trọng đánh giá khả năng thanh toán tức thời cho rủi ro tổn thất xảy ra đối với khách hàng của DNBH được quy định như thế nào? .....	6
Câu hỏi 6. Khách hàng được bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng như thế nào khi DNBH trong tình trạng nào được coi là có nguy cơ mất khả năng thanh toán và các biện pháp khắc phục tình trạng này? .....	7
Câu hỏi 7. Hợp đồng bảo hiểm là gì, Có bao nhiêu loại hợp đồng bảo hiểm? .....	8
Câu hỏi 8. Những nội dung cơ bản nào phải được chứa đựng trong hợp đồng bảo hiểm để đảm bảo được cơ bản quyền và lợi ích chính đáng của khách hàng? .....	9
Câu hỏi 9. Hình thức của hợp đồng bảo hiểm và thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm được quy định như thế nào? .....	10
Câu hỏi 10. Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm được quy định như thế nào để đảm bảo được quyền và lợi ích khách hàng? .....	11
Câu hỏi 11. Quyền của DNBH khi thực hiện hợp đồng bảo hiểm được quy định như thế nào? .....	12
Câu hỏi 12. Nghĩa vụ của DNBH khi thực hiện hợp đồng bảo hiểm được quy định như thế nào để đảm bảo quyền lợi cho khách hàng? .....	13
Câu hỏi 13. Khách hàng mua bảo hiểm có quyền lợi gì? .....	14
Câu hỏi 14. Khách hàng mua bảo hiểm có nghĩa vụ gì? .....	15
Câu hỏi 15. Một ngôi nhà đang ở đã được bảo hiểm, nay muốn cho thuê ngôi nhà này làm văn phòng công ty hay làm khách sạn tư nhân thì cần làm những việc gì liên quan đến bảo hiểm? .....	16
Câu hỏi 16. Tôi được tin xe ô tô của mình đang chờ 72 chiếc xe máy bị bốc cháy tại miền Trung sau đó đã lệnh cho nhân viên của mình đi mua bảo hiểm. Điều này có vi phạm vấn đề gì không? .....	17
Câu hỏi 17. Chiếc xe máy của tôi bị mất cắp không thuộc rủi ro bảo hiểm nên không được bồi thường, sau khi tài sản được bảo hiểm không còn nữa hợp đồng bảo hiểm này có hiệu lực hay không? .....	17
Câu hỏi 18. Khi hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt, hậu quả pháp lý và quyền, lợi ích chính đáng của khách hàng được quy định như thế nào? .....	18
Câu hỏi 19. Vấn đề thời hạn để khách hàng yêu cầu DNBH trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường được quy định như thế nào? .....	19
Câu hỏi 20. Thời hạn quy định để DNBH phải trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường như thế nào để đảm bảo chia sẻ khắc phục kịp thời tổn thất cho khách hàng? .....	20
Câu hỏi 21. Thời hiệu khách hàng mua bảo hiểm khởi kiện liên quan đến hợp đồng bảo hiểm được quy định như thế nào? .....	20
Câu hỏi 22. Khi DNBH không tồn tại do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể hoặc lâm vào tình trạng có nguy cơ mất khả năng thanh toán thì quyền lợi của khách hàng mua bảo hiểm được đảm bảo như thế nào? .....	21

Câu hỏi 23. Điều kiện và thủ tục chuyển giao hợp đồng bảo hiểm giữa 02 DNBH được quy định như thế nào để đảm bảo quyền lợi của người mua bảo hiểm?.....	21
Câu hỏi 24. Tôi thuê một chiếc xe vận tải để kinh doanh trong thời hạn 5 năm. Tôi có nên mua bảo hiểm vật chất cho xe này không? Đối tượng và số tiền bảo hiểm hợp đồng bảo hiểm tài sản là gì?.....	22
Câu hỏi 25. Khách hàng có thể mua bảo hiểm tài sản với số tiền bảo hiểm lớn hơn giá trị tài sản được bảo hiểm hay không, và việc đó giải quyết như thế nào?.....	23
Câu hỏi 26. Khi mua bảo hiểm tài sản, khách hàng mua bảo hiểm kê khai số tiền bảo hiểm nhỏ hơn giá trị thực tế của tài sản được bảo hiểm thì có ảnh hưởng gì khi giải quyết bồi thường? .....	24
Câu hỏi 27. Khi vô tình hoặc hữu ý, khách hàng mua bảo hiểm cho một tài sản bằng nhiều hợp đồng bảo hiểm khác nhau của một hay nhiều công ty bảo hiểm thì có ảnh hưởng gì không? .....	24
Câu hỏi 28. Căn cứ để tính toán xác định số tiền bồi thường cho khách hàng được quy định như thế nào? .....	25
Câu hỏi 29. DNBH giải quyết bồi thường cho khách hàng tham gia bảo hiểm bằng một trong những hình thức nào?.....	26
Câu hỏi 30. Khi tài sản bị thiệt hại, có thể một phần do lỗi của người khác (người thứ 3) gây ra nhưng vẫn được DNBH bồi thường. Trong trường hợp này, khách hàng tham gia bảo hiểm phải làm gì để đảm bảo quyền lợi cho DNBH đòi người thứ ba bồi thường thiệt hại do lỗi của họ gây ra?.....	26
Câu hỏi 31. Có thể mua bảo hiểm TNDS bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra đối với người thứ ba hay không? .....	27
Câu hỏi 32. Tại sao phải đưa ra số tiền bảo hiểm hoặc giới hạn trách nhiệm trong hợp đồng bảo hiểm TNDS? .....	28
Câu hỏi 33. DNBH có quyền đại diện cho khách mua hàng bảo hiểm để thương lượng với bên thứ ba (người bị thiệt hại) hay không? ..	29
Câu hỏi 34. DNBH có thể trả tiền bảo hiểm cho người thứ ba khi chưa có sự đồng ý của khách hàng hay không? .....	29
Câu hỏi 35. Đại lý bảo hiểm là gì, họ hoạt động như thế nào? .....	30
Câu hỏi 36. Muốn hoạt động đại lý bảo hiểm cần có điều kiện gì để đảm bảo vừa bán được bảo hiểm vừa đảm bảo được quyền và lợi ích của doanh nghiệp bảo hiểm cũng như quyền và lợi ích của khách hàng? .....	30
Câu hỏi 37. Trách nhiệm của DNBH và đại lý bảo hiểm khi gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng được bảo hiểm? ..	31
Câu hỏi 38. Nguyên tắc hoạt động đại lý bảo hiểm được quy định như thế nào để tôn trọng quyền và lợi ích của khách hàng? .....	32
Câu hỏi 39. Các hành vi bị nghiêm cấm đối với đại lý bảo hiểm như thế nào để đảm bảo lợi ích cho khách hàng?.....	32
Câu hỏi 40. Cá nhân có được làm môi giới không, nội dung hoạt động môi giới bảo hiểm được pháp luật quy định như thế nào để đảm bảo lợi ích cho khách hàng? .....	33
Câu hỏi 41. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có quyền và nghĩa vụ gì liên quan đến quyền và lợi ích của doanh nghiệp bảo hiểm và của khách hàng? .....	34
Câu hỏi 42. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho hoạt động môi giới bảo hiểm không và ý nghĩa của việc này?.....	35
Câu hỏi 43. Nhiệm vụ của môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm? .....	35
Câu 44. Thông báo tuổi trong bảo hiểm nhân thọ .....	36
Câu 45. Đóng phí trong bảo hiểm nhân thọ .....	36

## **Câu hỏi 1. Để đảm bảo lợi ích khách hàng việc thành lập DNBH cần có những điều kiện gì thể hiện năng lực kinh doanh BH mới được cấp giấy phép hoạt động?**

**Trả lời:** Điều 63 Luật Kinh doanh Bảo hiểm quy định:

- "1. Có số vốn điều lệ đã góp không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ;*
- 2. Có hồ sơ xin cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 64 của Luật này;*
- 3. Có loại hình doanh nghiệp và điều lệ phù hợp với quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật;*
- 4. Người quản trị, người điều hành có năng lực quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ về bảo hiểm."*

Những điều kiện trên đảm bảo cho các doanh nghiệp bảo hiểm được cấp phép hoạt động tại Việt Nam có đầy đủ năng lực thực hiện các cam kết bảo hiểm cho khách hàng.

## **Câu hỏi 2. Điều kiện về vốn pháp định quy định như thế nào để doanh nghiệp bảo hiểm vừa nâng cao năng lực kinh doanh vừa đảm bảo cam kết với khách hàng?**

**Trả lời:**

Vốn pháp định của DNBH phải đủ lớn để có thể tăng cường khả năng thanh toán cho DNBH và là điều kiện để DNBH phát triển công nghệ thông tin trong quản lý hợp đồng bảo hiểm, rủi ro bảo hiểm và đầu tư.

Theo điều 94 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định:

- "1. Chính phủ quy định mức vốn pháp định của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.*
- 2. Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải luôn duy trì vốn điều lệ đã góp không thấp hơn mức vốn pháp định."*

Mức vốn pháp định được quy định tại Điều 4 và Điều 5 NĐ 46 như sau

Điều 4 Vốn pháp định:

*“1. Mức vốn pháp định của doanh nghiệp bảo hiểm:*

*a) Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ: 300.000.000.000 đồng Việt Nam;*

*b) Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ: 600.000.000.000 đồng Việt Nam.*

*2. Mức vốn pháp định của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm: 4.000.000.000 đồng Việt Nam.”*

Điều 5 Vốn điều lệ

*“1. Vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào điều lệ doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.*

*2. Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải luôn duy trì mức vốn điều lệ đã góp không thấp hơn mức vốn pháp định được quy định tại Điều 4 Nghị định này và phải được bổ sung tương xứng với nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Bộ Tài chính quy định cụ thể mức vốn điều lệ bổ sung.*

*3. Trường hợp thay đổi vốn điều lệ, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải có đơn đề nghị và văn bản giải trình gửi Bộ Tài chính. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị và hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính phải trả lời bằng văn bản về việc chấp thuận hoặc từ chối chấp thuận. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính phải có văn bản giải thích lý do.*

*4. Doanh nghiệp bảo hiểm được thành lập, tổ chức và hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực, có số vốn điều lệ thấp hơn mức vốn pháp định quy định tại Điều 4 Nghị định này thì trong thời hạn 3 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm phải bổ sung đủ vốn điều lệ theo quy định.”*

Vốn pháp định nhằm đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật trong đó có hệ thống công nghệ thông tin phục vụ kinh doanh bảo hiểm, phục vụ khách hàng và là một nguồn tài chính duy trì khả năng thanh toán cho các hợp đồng bảo hiểm đã cam kết với khách hàng.

### Câu hỏi 3. Quy định về các DNBH đều phải ký quỹ để đảm bảo dùng tiền ký quỹ thanh toán bồi thường cho khách hàng trong tình huống xấu nhất có thể xảy ra thể hiện như thế nào?

#### Trả lời:

Đúng vậy, ký quỹ là nghĩa vụ bắt buộc của các DNBH để đảm bảo khả năng thanh toán trong tình huống xấu nhất. Điều 95 Luật KD Bảo hiểm quy định

*"1. Doanh nghiệp bảo hiểm phải sử dụng một phần vốn điều lệ để ký quỹ tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam.*

*2. Chính phủ quy định mức tiền ký quỹ và cách thức sử dụng tiền ký quỹ."*

Điều 6 NB 46 quy định chi tiết về ký quỹ của các DNBH như sau:

*"1. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, doanh nghiệp bảo hiểm phải sử dụng một phần vốn điều lệ đã góp để ký quỹ tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam. Tiền ký quỹ được hưởng lãi theo thoả thuận với ngân hàng nơi ký quỹ.*

*2. Mức tiền ký quỹ của doanh nghiệp bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định được quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này.*

*3. Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ được sử dụng tiền ký quỹ để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày sử dụng tiền ký quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm bổ sung tiền ký quỹ đã sử dụng.*

*4. Doanh nghiệp bảo hiểm được rút toàn bộ tiền ký quỹ khi chấm dứt hoạt động.*

*5. Doanh nghiệp bảo hiểm được thành lập, tổ chức và hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực, có số tiền ký quỹ thấp hơn số tiền ký quỹ quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm phải bổ sung đủ số tiền ký quỹ theo quy định."*

Với số vốn pháp định quy định như hiện nay là 300 tỉ đồng, số tiền ký quỹ của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ là 6 tỉ đồng nhằm bổ sung khi khả năng thanh toán

tức thời của doanh nghiệp bảo hiểm thiếu hụt, đảm bảo bồi thường kịp thời cho khách hàng.

#### **Câu hỏi 4 Khả năng thanh toán sẵn sàng đáp ứng nhu cầu trả tiền, bồi thường cho rủi ro sự cố bất ngờ xảy ra đối với khách hàng của doanh nghiệp bảo hiểm được kiểm soát như thế nào?**

##### **Trả lời :**

Khả năng thanh toán là chỉ tiêu quan trọng nhất đánh giá DNBH có đủ khả năng thanh toán tiền chi trả hoặc bồi thường kịp thời đầy đủ cho những rủi ro sự kiện xảy ra ngay sau đó hay không?

Điều 15 ND 46 quy định :

*“1. Doanh nghiệp bảo hiểm phải luôn duy trì khả năng thanh toán trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh bảo hiểm.*

*2. Doanh nghiệp bảo hiểm được coi là có đủ khả năng thanh toán khi đã trích lập đầy đủ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm và có biên khả năng thanh toán không thấp hơn biên khả năng thanh toán tối thiểu quy định.*

Khi doanh nghiệp bảo hiểm không duy trì được khả năng thanh toán thì phải trình Bộ Tài chính phương án khắc phục, thời gian khắc phục và Bộ Tài chính sẽ giám sát thực hiện nhằm đảm bảo quyền và lợi ích khách hàng.

#### **Câu hỏi 5. Biên khả năng thanh toán tối thiểu của DNBH là một yếu tố quan trọng đánh giá khả năng thanh toán tức thời cho rủi ro tổn thất xảy ra đối với khách hàng của DNBH được quy định như thế nào?**

##### **Trả lời :**

Biên khả năng thanh toán tối thiểu cho biết DNBH có đủ quỹ được trích lập theo quy định để sẵn sàng chi trả tức thời cho khách hàng khi rủi ro, sự kiện bảo hiểm xảy ra.

Điều 16 ND 46 Quy định :

*“1. Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ là số lớn hơn của một trong hai kết quả tính toán sau:*

- a) 25% tổng phí bảo hiểm thực giữ lại tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán;*
- b) 12,5% của tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán.”*

Doanh nghiệp bảo hiểm có doanh thu càng cao thì có biên khả năng thanh toán tối thiểu càng lớn, nghĩa vụ sẵn sàng chi trả tức thời cho khách hàng khi rủi ro tổn thất xảy ra càng nhiều.

### **Câu hỏi 6. Khách hàng được bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng như thế nào khi DNBH trong tình trạng nào được coi là có nguy cơ mất khả năng thanh toán và các biện pháp khắc phục tình trạng này?**

#### **Trả lời:**

Mất khả năng thanh toán sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng, đó là chi trả không đầy đủ hoặc không kịp thời khi rủi ro tổn thất hoặc sự kiện bảo hiểm xảy ra. Vì vậy, Nhà nước phải giám sát và có biện pháp xử lý kịp thời. Điều 18 NBĐ 46 quy định:

*“Doanh nghiệp bảo hiểm bị coi là có nguy cơ mất khả năng thanh toán khi biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm thấp hơn biên khả năng thanh toán tối thiểu.”*

Điều 19 NBĐ 46 quy định:

*“1. Khi có nguy cơ mất khả năng thanh toán, doanh nghiệp bảo hiểm phải chủ động thực hiện ngay các biện pháp tự khôi phục khả năng thanh toán đồng thời báo cáo Bộ Tài chính về thực trạng tài chính, nguyên nhân dẫn đến nguy cơ mất khả năng thanh toán và phương án khôi phục khả năng thanh toán.*

*2. Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm không tự khôi phục được khả năng thanh toán thì Bộ Tài chính có quyền yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện khôi phục khả năng thanh toán, gồm những biện pháp sau:*

- a) Bổ sung nguồn vốn chủ sở hữu;*

b) Tái bảo hiểm; thu hẹp nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động; đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động;

c) củng cố tổ chức bộ máy và thay đổi người quản trị, điều hành của doanh nghiệp;

d) Yêu cầu chuyển giao hợp đồng bảo hiểm;

đ) Các biện pháp khác.

3. Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm không khôi phục được khả năng thanh toán theo yêu cầu của Bộ Tài chính quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp bảo hiểm bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt. Bộ Tài chính quyết định thành lập Ban Kiểm soát khả năng thanh toán để áp dụng các biện pháp khôi phục khả năng thanh toán theo quy định tại Điều 80 Luật Kinh doanh bảo hiểm.”

Như vậy, trong tình huống xấu nhất, Nhà nước sẽ yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm có nguy cơ mất khả năng thanh toán buộc phải chuyển giao hợp đồng bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm khác để duy trì quyền và lợi ích của khách hàng.

## **Câu hỏi 7. Hợp đồng bảo hiểm là gì, Có bao nhiêu loại hợp đồng bảo hiểm?**

### **Trả lời:**

Hợp đồng bảo hiểm là căn cứ quan trọng quy định quyền và nghĩa vụ của DNBH và người tham gia bảo hiểm theo thỏa thuận của 02 bên. Điều 12, khoản 1,2 Luật KDBH quy định:

“1. Hợp đồng bảo hiểm là sự thỏa thuận giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm, theo đó bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

2. Các loại hợp đồng bảo hiểm bao gồm:

a) Hợp đồng bảo hiểm con người;

b) Hợp đồng bảo hiểm tài sản;



*c) Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự.”*

Mỗi loại hợp đồng trên có đối tượng bảo hiểm và kỹ thuật nghiệp vụ khác nhau. Việc chia ra làm 3 loại hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ nói trên nhằm có biện pháp quản lý phù hợp hơn.

### **Câu hỏi 8. Những nội dung cơ bản nào phải được chứa đựng trong hợp đồng bảo hiểm để đảm bảo được cơ bản quyền và lợi ích chính đáng của khách hàng?**

#### **Trả lời:**

Tất cả các hợp đồng bảo hiểm phải chứa đựng đầy đủ các nội dung cơ bản tối thiểu được Điều 13 Luật KDBH quy định như sau:

*“1. Hợp đồng bảo hiểm phải có những nội dung sau đây:*

*a) Tên, địa chỉ của doanh nghiệp bảo hiểm, bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng;*

*b) Đối tượng bảo hiểm;*

*c) Số tiền bảo hiểm, giá trị tài sản được bảo hiểm đối với bảo hiểm tài sản;*

*d) Phạm vi bảo hiểm, điều kiện bảo hiểm, điều khoản bảo hiểm;*

*đ) Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm;*

*e) Thời hạn bảo hiểm;*

*g) Mức phí bảo hiểm, phương thức đóng phí bảo hiểm;*

*h) Thời hạn, phương thức trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường;*

*i) Các quy định giải quyết tranh chấp;*

*k) Ngày, tháng, năm giao kết hợp đồng.*

*2. Ngoài những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, hợp đồng bảo hiểm có thể có các nội dung khác do các bên thỏa thuận.”*

Việc quy định hợp đồng bảo hiểm tối thiểu phải chứa đựng 10 nội dung nói trên nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của khách hàng, làm cơ sở thi hành quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm và khách hàng.

### **Câu hỏi 9. Hình thức của hợp đồng bảo hiểm và thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm được quy định như thế nào?**

#### **Trả lời:**

Hình thức Hợp đồng bảo hiểm phải thể hiện bằng văn bản do trong những đặc điểm của bảo hiểm là một cam kết dân sự trong đó DNBH đưa ra cam kết bồi thường theo những điều kiện và cách thức nhất định cho những rủi ro tổn thất được bảo hiểm. Điều 14 Luật KDBH quy định:

*“Hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản. Bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm là giấy chứng nhận bảo hiểm, đơn bảo hiểm, điện báo, telex, fax và các hình thức khác do pháp luật quy định.”*

Thường thì HĐBH là mẫu soạn sẵn của DNBH để điền những nội dung và được người tham gia bảo hiểm chấp nhận ghi vào giấy yêu cầu bảo hiểm. Theo Bộ Luật Dân sự những hợp đồng soạn sẵn nếu có điều kiện từ ngữ nào không được đề cập đến hoặc có cách hiểu không rõ ràng thì được giải thích sao cho có lợi cho người tham gia bảo hiểm.

Thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm là vấn đề quan trọng của hợp đồng bảo hiểm, nó ràng buộc trách nhiệm phải bồi thường của DNBH nếu rủi ro tổn thất được bảo hiểm xảy ra, đồng thời ràng buộc trách nhiệm phải đóng đủ phí của người tham gia bảo hiểm tính từ thời điểm đó.

Trong thực tế, doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp cho khách hàng giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc đơn bảo hiểm đã ghi được những yếu tố cơ bản của hợp đồng bảo hiểm và được coi là bằng chứng đã ký kết hợp đồng bảo hiểm.

Điều 15 Luật KDBH:

*“Trách nhiệm bảo hiểm phát sinh khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết hoặc khi có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng phí bảo hiểm, trừ trường hợp có thoả thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm.”*

Việc vừa chấp nhận bảo hiểm xong đã thu phí bảo hiểm là doanh nghiệp bảo hiểm phải có trách nhiệm bồi thường cho khách hàng. Vì vậy cần phải quy định rõ hợp đồng bảo hiểm nhất thiết phải lập thành văn bản và quy định rõ thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm để gắn chặt nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm, bảo vệ quyền lợi khách hàng ngay từ thời điểm phát sinh trên.

### **Câu hỏi 10. Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm được quy định như thế nào để đảm bảo được quyền và lợi ích khách hàng?**

#### **Trả lời:**

Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm thường là những loại trừ về những rủi ro mang tính thảm họa lớn, những rủi ro chỉ được bảo hiểm trong điều kiện đặc biệt, những sự kiện sự cố mang tính chất chủ quản vi phạm pháp luật, vi phạm cam kết thì doanh nghiệp bảo hiểm không phải bồi thường. Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm còn là điều khoản thu hẹp phạm vi bảo hiểm hay nói một cách khác là giảm bớt trách nhiệm bồi thường của DNBH nếu xảy ra những quy định được loại trừ này. Ngay cả trường hợp bảo hiểm mọi rủi ro thì vẫn có những điều khoản loại trừ, cũng có nghĩa là không phải cứ tham gia bảo hiểm mọi rủi ro thì tổn thất nào cũng được bồi thường. Những tổn thất thuộc một trong những nguyên nhân loại trừ gây nên sẽ không được bồi thường. Điều 16 Luật KDBH:

*“1. Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm quy định trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm không phải bồi thường hoặc không phải trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.*

*2. Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm phải giải thích rõ cho bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng.*

*3. Không áp dụng điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong các trường hợp sau đây:*

*a) Bên mua bảo hiểm vi phạm pháp luật do vô ý;*

*b) Bên mua bảo hiểm có lý do chính đáng trong việc chậm thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm.”*

Vì vậy, khi bán bảo hiểm doanh nghiệp bảo hiểm có nghĩa vụ giải thích rõ điều kiện loại trừ bảo hiểm, người mua bảo hiểm có quyền yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm giải thích rõ điều kiện loại trừ và cần đọc hiểu kỹ điều khoản loại trừ thu hẹp phạm vi bảo hiểm.

### **Câu hỏi 11. Quyền của DNBH khi thực hiện hợp đồng bảo hiểm được quy định như thế nào?**

#### **Trả lời:**

Quyền của DNBH được quy định cụ thể trong HĐBH. Nếu HĐBH không quy định cụ thể và đầy đủ thì quyền của DNBH được thực hiện theo Luật KDBH. Điều 17 khoản 1 Luật KDBH quy định:

*“1. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền:*

*a) Thu phí bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm;*

*b) Yêu cầu bên mua bảo hiểm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm;*

*c) Đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo quy định:*

*2. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm và thu phí bảo hiểm đến thời điểm đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm khi bên mua bảo hiểm có một trong những hành vi sau đây (khoản 2 điều 19:*

*+ Cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm để được trả tiền bảo hiểm hoặc được bồi thường;*

*+ Không thực hiện các nghĩa vụ trong việc cung cấp thông tin cho doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định.*

Thông báo trường hợp có thể làm tăng rủi ro hoặc làm phát sinh thêm trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm.

*- Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền tính lại phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp bên mua bảo hiểm không chấp nhận tăng phí bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực*

hiện hợp đồng bảo hiểm, nhưng phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên mua bảo hiểm.

- Trong trường hợp phí bảo hiểm được đóng nhiều lần và bên mua bảo hiểm đã đóng một hoặc một số lần phí bảo hiểm nhưng không thể đóng được các khoản phí bảo hiểm tiếp theo thì sau thời hạn 60 ngày, kể từ ngày gia hạn đóng phí, doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng, bên mua bảo hiểm không có quyền đòi lại khoản phí bảo hiểm đã đóng nếu thời gian đã đóng phí bảo hiểm dưới hai năm, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.

- Trong trường hợp người được bảo hiểm không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho đối tượng bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền ấn định một thời hạn để người được bảo hiểm thực hiện các biện pháp đó; nếu hết thời hạn này mà các biện pháp bảo đảm an toàn vẫn không được thực hiện thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền tăng phí bảo hiểm hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm.

d) Từ chối trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc từ chối bồi thường cho người được bảo hiểm trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm;

đ) Yêu cầu bên mua bảo hiểm áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Yêu cầu người thứ ba bồi hoàn số tiền bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường cho người được bảo hiểm do người thứ ba gây ra đối với tài sản và trách nhiệm dân sự;

g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.”

## **Câu hỏi 12. Nghĩa vụ của DNBH khi thực hiện hợp đồng bảo hiểm được quy định như thế nào để đảm bảo quyền lợi cho khách hàng?**

### **Trả lời**

Nghĩa vụ của DNBH được quy định cụ thể trong HĐBH. Nếu HĐBH không quy định cụ thể và đầy đủ, nghĩa vụ của DNBH được thực hiện theo Luật KDBH. Điều 17 khoản 2 Luật KDHB quy định:

- “a) Giải thích cho bên mua bảo hiểm về các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; quyền, nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm;*
- b) Cấp cho bên mua bảo hiểm giấy chứng nhận bảo hiểm, đơn bảo hiểm ngay sau khi giao kết hợp đồng bảo hiểm;*
- c) Trả tiền bảo hiểm kịp thời cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;*
- d) Giải thích bằng văn bản lý do từ chối trả tiền bảo hiểm hoặc từ chối bồi thường;*
- đ) Phối hợp với bên mua bảo hiểm để giải quyết yêu cầu của người thứ ba đòi bồi thường về những thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;*
- e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.”*

Những nghĩa vụ trên của doanh nghiệp bảo hiểm cũng tương ứng với quyền của khách hàng mua bảo hiểm sẽ được trình bày sau này (tại câu hỏi 42).

### **Câu hỏi 13. Khách hàng mua bảo hiểm có quyền lợi gì?**

#### **Trả lời:**

Người mua bảo hiểm có các quyền quy định trong HĐBH. Nếu HĐBH không quy định thì xét xử theo Luật KDBH. Điều 18 khoản 1, Luật KDBH quy định một số quyền của người mua bảo hiểm như sau:

- “a) Lựa chọn doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động tại Việt Nam để mua bảo hiểm;*
- b) Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; cấp giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc đơn bảo hiểm;*
- c) Đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo quy định là:*
- Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm thì bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm; doanh nghiệp bảo hiểm phải bồi thường thiệt*

hại phát sinh cho bên mua bảo hiểm do việc cung cấp thông tin sai sự thật.(Khoản 3 điều 19)

1. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm không chấp nhận giảm phí bảo hiểm thì bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm, nhưng phải thông báo ngay bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm.(Khoản 1 điều 20)

d) Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;

đ) Chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm hoặc theo quy định của pháp luật;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.”

#### **Câu hỏi 14. Khách hàng mua bảo hiểm có nghĩa vụ gì?**

##### **Trả lời:**

Người mua bảo hiểm có các nghĩa vụ quy định trong HĐBH, nếu HĐBH không quy định thì xét xử theo Luật KDBH. Điều 18 khoản 2, Luật KDBH quy định các nghĩa vụ cơ bản của người mua bảo hiểm như sau:

“a) Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm;

b) Kê khai đầy đủ, trung thực mọi chi tiết có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm;

c) Thông báo những trường hợp có thể làm tăng rủi ro hoặc làm phát sinh thêm trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm;

d) Thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm;

đ) Áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.”

### **Câu hỏi 15. Một ngôi nhà đang ở đã được bảo hiểm, nay muốn cho thuê ngôi nhà này làm văn phòng công ty hay làm khách sạn tư nhân thì cần làm những việc gì liên quan đến bảo hiểm?**

#### **Trả lời:**

Như vậy những dự định thay đổi mục đích sử dụng ngôi nhà ở đang được bảo hiểm của khách hàng, đã làm tăng thêm rủi ro bảo hiểm. Thay đổi mức độ rủi ro là thay đổi khả năng xảy ra tổn thất, đồng nghĩa với thay đổi phí bảo hiểm, thay đổi quyền và lợi ích của DNBH và người tham gia bảo hiểm. Điều 20 Luật KDBH quy định:

*“1. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm không chấp nhận giảm phí bảo hiểm thì bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm, nhưng phải thông báo ngay bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm.*

*2. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền tính lại phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp bên mua bảo hiểm không chấp nhận tăng phí bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm, nhưng phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên mua bảo hiểm.”*

Để bảo vệ quyền lợi của mình, khách hàng cần thông báo ngay với doanh nghiệp bảo hiểm mà mình đã tham gia bảo hiểm để có hướng xử lý kịp thời.



**Câu hỏi 16. Tôi được tin xe ô tô của mình đang chở 72 chiếc xe máy bị bốc cháy tại miền Trung sau đó đã lệnh cho nhân viên của mình đi mua bảo hiểm. Điều này có vi phạm vấn đề gì không?**

**Trả lời:**

Nếu đúng như vậy hợp đồng bảo hiểm trên được coi là vô hiệu. HĐBH đương nhiên sẽ bị vô hiệu khi được 02 bên giao kết trong các tình huống, sự kiện mang tính lừa dối, trục lợi bảo hiểm. Điều 22 Luật KDBH quy định rõ:

*“1. Hợp đồng bảo hiểm vô hiệu trong các trường hợp sau đây:*

- a) Bên mua bảo hiểm không có quyền lợi có thể được bảo hiểm;*
- b) Tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, đối tượng bảo hiểm không tồn tại;*
- c) Tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, bên mua bảo hiểm biết sự kiện bảo hiểm đã xảy ra;*
- d) Bên mua bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm có hành vi lừa dối khi giao kết hợp đồng bảo hiểm;*
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.*

*2. Việc xử lý hợp đồng bảo hiểm vô hiệu được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan.”*

**Câu hỏi 17. Chiếc xe máy của tôi bị mất cắp không thuộc rủi ro bảo hiểm nên không được bồi thường, sau khi tài sản được bảo hiểm không còn nữa hợp đồng bảo hiểm này có hiệu lực hay không?**

**Trả lời:**

Trong thời gian thực hiện HĐBH, HĐBH đương nhiên bị chấm dứt khi xảy ra những sự kiện được Luật KDBH quy định. Điều 23 Luật KDBH quy định:

*“Ngoài các trường hợp chấm dứt hợp đồng theo quy định của Bộ luật dân sự, hợp đồng bảo hiểm còn chấm dứt trong các trường hợp sau đây:*

- 1. Bên mua bảo hiểm không còn quyền lợi có thể được bảo hiểm;*

2. Bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm hoặc không đóng phí bảo hiểm theo thời hạn thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác;

3. Bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm trong thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm.”

Như vậy, hợp đồng bảo hiểm cho chiếc xe máy nói trên đã bị chấm dứt ngay từ khi chiếc xe bị mất cắp. Khách hàng sẽ được hoàn lại phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng.

### **Câu hỏi 18. Khi hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt, hậu quả pháp lý và quyền, lợi ích chính đáng của khách hàng được quy định như thế nào?**

#### **Trả lời:**

Tùy theo mức độ vi phạm của các bên mà hậu quả pháp lý khi chấm dứt HĐBH được quy định khác nhau. Điều 24 Luật KDBH quy định:

“1. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật này (câu hỏi 49) doanh nghiệp bảo hiểm phải hoàn lại phí bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm mà bên mua bảo hiểm đã đóng phí bảo hiểm, sau khi đã trừ các chi phí hợp lý có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm.

2. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật này (câu hỏi 49) bên mua bảo hiểm vẫn phải đóng đủ phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt hợp đồng bảo hiểm. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng bảo hiểm con người.

3. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại khoản 3 Điều 23 của Luật này (câu hỏi 49) doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải chịu trách nhiệm bồi thường cho người được bảo hiểm khi sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời gian gia hạn đóng phí; bên mua bảo hiểm vẫn phải đóng phí bảo hiểm cho đến hết thời gian gia hạn theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng bảo hiểm con người.

4. *Hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trong các trường hợp khác được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan.*

### **Câu hỏi 19. Vấn đề thời hạn để khách hàng yêu cầu DNBH trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường được quy định như thế nào?**

#### **Trả lời:**

Thời hạn yêu cầu trả tiền hoặc bồi thường được quy định cụ thể trong HĐBH. Nếu HĐBH không quy định rõ ràng thì thực hiện theo Luật KDBH. Điều 28 Luật KDBH quy định:

*“1. Thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm là một năm, kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường.*

*2. Trong trường hợp bên mua bảo hiểm chứng minh được rằng bên mua bảo hiểm không biết thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm thì thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này được tính từ ngày bên mua bảo hiểm biết việc xảy ra sự kiện bảo hiểm đó.*

*3. Trong trường hợp người thứ ba yêu cầu bên mua bảo hiểm bồi thường về những thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm thì thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này được tính từ ngày người thứ ba yêu cầu.”*

Trong thời gian nói trên, người được bảo hiểm phải làm đủ thủ tục để yêu cầu DNBH trả tiền hoặc bồi thường. Nếu quá hạn trên thì yêu cầu của người bảo hiểm sẽ không được chấp nhận.

Quy định thời hạn để khách hàng tham gia bảo hiểm phải khẩn trương thực hiện quyền đòi bồi thường, đồng thời đảm bảo được tính thời sự, chính xác để doanh nghiệp bảo hiểm có thể giám định xác định tổn thất.

## Câu hỏi 20. Thời hạn quy định để DNBH phải trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường như thế nào để đảm bảo chia sẻ khắc phục kịp thời tổn thất cho khách hàng?

### Trả lời:

DNBH phải trả tiền hoặc bồi thường trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người được bảo hiểm yêu cầu bồi thường. Điều 29 Luật KDBH quy định:

*“Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường theo thời hạn đã thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm; trong trường hợp không có thoả thuận về thời hạn thì doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường.”*

Nếu quá thời hạn quy định trên DNBH không giải quyết sẽ phải trả thêm lãi theo lãi suất ngân hàng cho số tiền chậm trả đó.

Thời hạn tối đa 15 ngày nói trên là quy định cho tất cả các hợp đồng bảo hiểm. Vì vậy khi soạn thảo hợp đồng bảo hiểm các doanh nghiệp bảo hiểm chỉ có quyền đề ra thời hạn ngắn hơn 15 ngày hoặc bằng.

## Câu hỏi 21. Thời hiệu khách hàng mua bảo hiểm khởi kiện liên quan đến hợp đồng bảo hiểm được quy định như thế nào?

### Trả lời:

Khi không tán thành cách chi trả hoặc giải quyết bồi thường của DNBH, khách hàng được bảo hiểm có thể thương lượng với DNBH để giải quyết. Nếu không giải quyết được có thể khởi kiện ra tòa án hoặc trọng tài xét xử. Điều 30 Luật KDBH quy định rõ:

*“Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm là ba năm, kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.”*

Thời hiệu khởi kiện ghi trên các hợp đồng bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm soạn thảo sẵn tất nhiên không được nhỏ hơn 3 năm và nếu dài hơn 3 năm thì càng được khuyến khích. Quy định thời hiệu khiếu kiện để doanh nghiệp bảo hiểm có điều kiện khôi phục, thu thập hồ sơ tài liệu trước đó liên quan đến khiếu kiện để giải trình trước cơ quan xét xử hoặc hoà giải.

## **Câu hỏi 22. Khi DNBH không tồn tại do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể hoặc lâm vào tình trạng có nguy cơ mất khả năng thanh toán thì quyền lợi của khách hàng mua bảo hiểm được đảm bảo như thế nào?**

### **Trả lời:**

Bộ Tài chính là cơ quan quản lý Nhà nước kiểm soát và phê duyệt các trường hợp DNBH không tồn tại do chia tách, hợp nhất, sáp nhập trong đó ưu tiên đảm bảo quyền lợi hợp pháp chính đáng của người tham gia bảo hiểm rồi mới cấp phép hình thành DNBH mới (do chia tách sáp nhập hoặc hợp nhất) hoặc giải thể DNBH cũ. Trường hợp DNBH lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán thì Bộ Tài chính với tư cách là cơ quan giám sát và quản lý Nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm sẽ đứng ra giải quyết nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp chính đáng của người tham gia bảo hiểm. Điều 74 Luật KDBH quy định:

*“1. Việc chuyển giao toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một hoặc một số nghiệp vụ bảo hiểm giữa các doanh nghiệp bảo hiểm được thực hiện trong những trường hợp sau đây:*

- a) Doanh nghiệp bảo hiểm có nguy cơ mất khả năng thanh toán;*
- b) Doanh nghiệp bảo hiểm chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể;*
- c) Theo thoả thuận giữa các doanh nghiệp bảo hiểm.*

*2. Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm có nguy cơ mất khả năng thanh toán, giải thể mà không thoả thuận được việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm khác thì Bộ Tài chính chỉ định doanh nghiệp bảo hiểm nhận chuyển giao.”*

Những quy định trên nhằm đảm bảo cho khách hàng giữ nguyên quyền và lợi ích theo hợp đồng bảo hiểm đã ký kết.

## **Câu hỏi 23. Điều kiện và thủ tục chuyển giao hợp đồng bảo hiểm giữa 02 DNBH được quy định như thế nào để đảm bảo quyền lợi của người mua bảo hiểm?**

### **Trả lời:**

Việc chuyển giao HĐBH từ DNBH này sang DNBH khác phải tuân thủ theo các điều kiện và thủ tục được Luật KDBH cho phép. Điều 75 Luật KDBH quy định về điều kiện chuyển giao HĐBH như sau:

*“Việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm được thực hiện theo các điều kiện sau đây:*

- 1. Doanh nghiệp bảo hiểm nhận chuyển giao đang kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm được chuyển giao;*
- 2. Các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng bảo hiểm được chuyển giao không thay đổi cho đến khi hết thời hạn hợp đồng bảo hiểm;*
- 3. Việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm phải kèm theo việc chuyển giao các quỹ và dự phòng nghiệp vụ liên quan đến toàn bộ hợp đồng bảo hiểm được chuyển giao.”*

Điều 76 Luật KDBH quy định về thủ tục chuyển giao HĐBH như sau:

*“Việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm được thực hiện theo thủ tục sau đây:*

- 1. Doanh nghiệp bảo hiểm chuyển giao hợp đồng bảo hiểm phải có đơn đề nghị chuyển giao hợp đồng bảo hiểm gửi Bộ Tài chính nêu rõ lý do, kế hoạch chuyển giao, kèm theo hợp đồng chuyển giao. Việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm chỉ được tiến hành sau khi đã được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản;*
- 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Bộ Tài chính chấp thuận việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp chuyển giao hợp đồng bảo hiểm phải công bố về việc chuyển giao và thông báo cho bên mua bảo hiểm bằng văn bản.”*

Quy định nội dung và điều kiện chuyển giao hợp đồng bảo hiểm như trên nhằm luôn đảm bảo quyền và lợi ích khách hàng mua bảo hiểm ngay cả trong tình trạng xấu nhất xảy ra.

## **Câu hỏi 24. Tôi thuê một chiếc xe vận tải để kinh doanh trong thời hạn 5 năm. Tôi có nên mua bảo hiểm vật chất cho xe này không? Đối tượng và số tiền bảo hiểm hợp đồng bảo hiểm tài sản là gì?**

### **Trả lời:**

Người chủ sở hữu, người khai thác sử dụng, người nhận cầm cố thế chấp, người nhận ký gửi trông giữ bảo quản tài sản có quyền mua bảo hiểm cho chính tài sản đó. Điều 40 Luật KDBH quy định đối tượng của bảo hiểm Tài sản như sau:

*“Đối tượng của hợp đồng bảo hiểm tài sản là tài sản, bao gồm vật có thực, tiền, giấy tờ trị giá được bằng tiền và các quyền tài sản.”*

Điều 41 Luật KDBH quy định số tiền bảo hiểm tài sản là số tiền người tham gia bảo hiểm tài sản kê khai đảm bảo tính trung thực chính xác cho giá trị tài sản được bảo hiểm

*“Số tiền bảo hiểm là số tiền mà bên mua bảo hiểm yêu cầu bảo hiểm cho tài sản đó.”*

Như vậy, nếu khách hàng mua bảo hiểm vật chất cho chiếc xe tải trên thì khi rủi ro tổn thất xảy ra sẽ được bồi thường đầy đủ nhằm đảm bảo khi Hết hạn thuê xe sẽ trả lại chiếc xe trong tình trạng không hư hỏng cho chủ xe.

### **Câu hỏi 25. Khách hàng có thể mua bảo hiểm tài sản với số tiền bảo hiểm lớn hơn giá trị tài sản được bảo hiểm hay không, và việc đó giải quyết như thế nào?**

#### **Trả lời:**

Mục đích của bảo hiểm là đưa người kém may mắn có rủi ro tổn thất được bảo hiểm trở lại trạng thái tài chính ban đầu như trước khi xảy ra sự kiện này. Có nghĩa là khách hàng được bảo hiểm không thể giàu có hơn qua việc bồi thường của bảo hiểm với số tiền bồi thường có thể mua được nhiều hơn giá trị những tài sản bị tổn thất. Điều 42 Luật KDBH quy định:

*“1. Hợp đồng bảo hiểm tài sản trên giá trị là hợp đồng trong đó số tiền bảo hiểm cao hơn giá trị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng. Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm không được giao kết hợp đồng bảo hiểm tài sản trên giá trị.*

*2. Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm tài sản trên giá trị được giao kết do lỗi vô ý của bên mua bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải hoàn lại cho bên mua bảo hiểm số phí bảo hiểm đã đóng tương ứng với số tiền bảo hiểm vượt quá giá trị trường của tài sản được bảo hiểm, sau khi trừ các chi phí hợp lý có liên quan. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại không vượt quá giá trị trường của tài sản được bảo hiểm.”*

Như vậy, khách hàng không nên kê khai giá trị tài sản lớn hơn giá trị trường của nó.

## **Câu hỏi 26. Khi mua bảo hiểm tài sản, khách hàng mua bảo hiểm kê khai số tiền bảo hiểm nhỏ hơn giá trị thực tế của tài sản được bảo hiểm thì có ảnh hưởng gì khi giải quyết bồi thường?**

### **Trả lời:**

Khi kê khai số tiền bảo hiểm nhỏ hơn giá trị thực tế của tài sản sẽ làm cho DNBH định phí bảo hiểm cho khách hàng tham gia bảo hiểm phải đóng thấp hơn. Khi giải quyết bồi thường, DNBH mới có thể phát hiện ra vấn đề trên và có quyền bồi thường thấp hơn, tương đương với tỉ lệ phí bảo hiểm mà khách hàng mua bảo hiểm đã đóng so với phí bảo hiểm lẽ ra phải đóng đủ nếu kê khai đúng giá trị bảo hiểm. Điều 43 Luật KDBH quy định:

*“1. Hợp đồng bảo hiểm tài sản dưới giá trị là hợp đồng trong đó số tiền bảo hiểm thấp hơn giá trị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng.*

*2. Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm tài sản dưới giá trị được giao kết, doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng.”*

Như vậy, nếu kê khai giá trị tài sản thấp hơn giá trị trường thì khách hàng sẽ gặp nhiều thiệt thòi trong giải quyết bồi thường nếu tổn thất xảy ra.

## **Câu hỏi 27. Khi vô tình hoặc hữu ý, khách hàng mua bảo hiểm cho một tài sản bằng nhiều hợp đồng bảo hiểm khác nhau của một hay nhiều công ty bảo hiểm thì có ảnh hưởng gì không?**

### **Trả lời:**

Người mua bảo hiểm chỉ được bồi thường nhiều nhất đúng bằng thiệt hại thực tế của tài sản bị tổn thất mà rủi ro được bảo hiểm gây ra. Nếu vô tình hay hữu ý, một tài sản đồng thời được bảo hiểm bởi nhiều DNBH thì gọi là bảo hiểm trùng. Điều 44 Luật KDBH quy định:

*“1. Hợp đồng bảo hiểm trùng là trường hợp bên mua bảo hiểm giao kết hợp đồng bảo hiểm với hai doanh nghiệp bảo hiểm trở lên để bảo hiểm cho cùng một đối tượng, với cùng điều kiện và sự kiện bảo hiểm.*

*2. Trong trường hợp các bên giao kết hợp đồng bảo hiểm trùng, khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, mỗi doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền*



*bảo hiểm đã thoả thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng mà bên mua bảo hiểm đã giao kết. Tổng số tiền bồi thường của các doanh nghiệp bảo hiểm không vượt quá giá trị thiệt hại thực tế của tài sản.”*

Vì vậy, trước khi mua bảo hiểm tài sản, khách hàng cần kiểm tra xem trước đó đã mua bảo hiểm cho tài sản này chưa? Hợp đồng bảo hiểm tài sản đó có còn hiệu lực hay không?

### **Câu hỏi 28. Căn cứ để tính toán xác định số tiền bồi thường cho khách hàng được quy định như thế nào?**

#### **Trả lời:**

DNBH là người thay mặt tất cả khách hàng tham gia bảo hiểm đã đóng góp phí bảo hiểm hình thành nên quỹ bảo hiểm sử dụng để bồi thường cho những người kém may mắn gặp rủi ro tổn thất được bảo hiểm. Vì vậy, việc giải quyết bồi thường không thể tùy tiện gây mất uy tín của DNBH mà phải tuân thủ theo các căn cứ khoa học sát với thực tế. Theo Điều 46 Luật KDBH quy định:

*“1. Số tiền bồi thường mà doanh nghiệp bảo hiểm phải trả cho người được bảo hiểm được xác định trên cơ sở giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất và mức độ thiệt hại thực tế, trừ trường hợp có thoả thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm. Chi phí để xác định giá thị trường và mức độ thiệt hại do doanh nghiệp bảo hiểm chịu.*

*2. Số tiền bồi thường mà doanh nghiệp bảo hiểm trả cho người được bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm, trừ trường hợp có thoả thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm.*

*3. Ngoài số tiền bồi thường, doanh nghiệp bảo hiểm còn phải trả cho người được bảo hiểm những chi phí cần thiết, hợp lý để đề phòng, hạn chế tổn thất và những chi phí phát sinh mà người được bảo hiểm phải chịu để thực hiện chỉ dẫn của doanh nghiệp bảo hiểm.”*

Như vậy số tiền bồi thường bằng giá thị trường của tài sản tổn thất do rủi ro được bảo hiểm gây ra cộng với chi phí giám định xác định tổn thất, chi phí cần thiết hợp lý để đề phòng hạn chế tổn thất thực hiện theo sự đề nghị của doanh nghiệp bảo hiểm. Tuy nhiên, nếu khách hàng mua bảo hiểm dưới giá trị thì sẽ nhận được số tiền bồi thường ít

hơn bằng đúng tỉ lệ giữa số tiền bảo hiểm mà khách hàng kê khai trên giá trị thực tế tài sản đó.

### **Câu hỏi 29. DNBH giải quyết bồi thường cho khách hàng tham gia bảo hiểm bằng một trong những hình thức nào?**

#### **Trả lời:**

Tài sản bị tổn thất có thể có nhiều cách khôi phục lại tài sản đó bằng cách sửa chữa phần hư hại, thay thế bằng tài sản tương đương, trong đó có thể DNBH làm những việc trên hoặc người được bảo hiểm đứng ra làm và được DNBH thanh toán lại các chi phí đã bỏ ra khi được DNBH chấp thuận. Điều 47 Luật KDBH quy định:

*“1. Bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm có thể thoả thuận một trong các hình thức bồi thường sau đây:*

*a) Sửa chữa tài sản bị thiệt hại;*

*b) Thay thế tài sản bị thiệt hại bằng tài sản khác;*

*c) Trả tiền bồi thường.*

*2. Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm không thoả thuận được về hình thức bồi thường thì việc bồi thường sẽ được thực hiện bằng tiền.*

*3. Trong trường hợp bồi thường theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này, doanh nghiệp bảo hiểm có quyền thu hồi tài sản bị thiệt hại sau khi đã thay thế hoặc bồi thường toàn bộ theo giá thị trường của tài sản.”*

### **Câu hỏi 30. Khi tài sản bị thiệt hại, có thể một phần do lỗi của người khác (người thứ 3) gây ra nhưng vẫn được DNBH bồi thường. Trong trường hợp này, khách hàng tham gia bảo hiểm phải làm gì để đảm bảo quyền lợi cho DNBH đòi người thứ ba bồi thường thiệt hại do lỗi của họ gây ra?**

#### **Trả lời:**

Khi nhận được tiền bồi thường của DNBH cho thiệt hại về tài sản do người thứ 3 gây nên thì khách hàng được bảo hiểm phải chuyển hồ sơ thủ tục để DNBH thế quyền họ đòi bồi

thường người thứ ba bồi thường thiệt hại do lỗi của người này gây ra làm tổn thất tài sản đã được DNBH bồi thường. Điều 49 Luật KDBH quy định:

*“1. Trong trường hợp người thứ ba có lỗi gây thiệt hại cho người được bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm đã trả tiền bồi thường cho người được bảo hiểm thì người được bảo hiểm phải chuyển quyền yêu cầu người thứ ba bồi hoàn khoản tiền mà mình đã nhận bồi thường cho doanh nghiệp bảo hiểm.*

*2. Trong trường hợp người được bảo hiểm từ chối chuyển quyền cho doanh nghiệp bảo hiểm, không bảo lưu hoặc từ bỏ quyền yêu cầu người thứ ba bồi thường thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền khấu trừ số tiền bồi thường tùy theo mức độ lỗi của người được bảo hiểm.*

*3. Doanh nghiệp bảo hiểm không được yêu cầu cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của người được bảo hiểm bồi hoàn khoản tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm đã trả cho người được bảo hiểm, trừ trường hợp những người này cố ý gây ra tổn thất.”*

### **Câu hỏi 31. Có thể mua bảo hiểm TNDS bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra đối với người thứ ba hay không?**

#### **Trả lời:**

Đối tượng bảo hiểm TNDS là trách nhiệm bồi thường thiệt hại của khách hàng tham gia bảo hiểm cho người thứ ba theo quy định của pháp luật. Nếu tham gia bảo hiểm, DNBH có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong phạm vi số tiền bảo hiểm thay cho khách hàng tham gia bảo hiểm. Điều 52 và Điều 53 Luật KDBH quy định:

*“Đối tượng của hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự là trách nhiệm dân sự của người được bảo hiểm đối với người thứ ba theo quy định của pháp luật.”*

*“...1. Trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm chỉ phát sinh nếu người thứ ba yêu cầu người được bảo hiểm bồi thường thiệt hại do lỗi của người đó gây ra cho người thứ ba trong thời hạn bảo hiểm.*

*2. Người thứ ba không có quyền trực tiếp yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm trả tiền bồi thường, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”*

Các loại bảo hiểm trách nhiệm dân sự như bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới gây ra cho nạn nhân, bảo hiểm trách nhiệm của người gây ra cho nạn nhân, bảo

hiếm trách nhiệm của người sản xuất sản phẩm khi sản phẩm gây hại cho người tiêu dùng.

### **Câu hỏi 32. Tại sao phải đưa ra số tiền bảo hiểm hoặc giới hạn trách nhiệm trong hợp đồng bảo hiểm TNDS?**

#### **Trả lời:**

Điều 54 Luật KDBH quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người thứ ba của người tham gia bảo hiểm có nhiều trường hợp là rất lớn vì vậy DNBH và người tham gia bảo hiểm thường thỏa thuận chỉ bảo hiểm với số tiền bảo hiểm nhất định. Sự giới hạn trách nhiệm bồi thường của DNBH như vậy còn gọi là mức trách nhiệm.

*“Số tiền bảo hiểm là số tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm phải trả cho người được bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.”*

Điều 55 Luật KDBH quy định:

*“1. Trong phạm vi số tiền bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải trả cho người được bảo hiểm những khoản tiền mà theo quy định của pháp luật người được bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường cho người thứ ba.*

*2. Ngoài việc trả tiền bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp bảo hiểm còn phải trả các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp về trách nhiệm đối với người thứ ba và lãi phải trả cho người thứ ba do người được bảo hiểm chậm trả tiền bồi thường theo chỉ dẫn của doanh nghiệp bảo hiểm.*

*3. Tổng số tiền bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không vượt quá số tiền bảo hiểm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm.*

*4. Trong trường hợp người được bảo hiểm phải đóng tiền bảo lãnh hoặc ký quỹ để bảo đảm cho tài sản không bị lưu giữ hoặc để tránh việc khởi kiện tại tòa án thì theo yêu cầu của người được bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải thực hiện việc bảo lãnh hoặc ký quỹ trong phạm vi số tiền bảo hiểm.”*

Vì trách nhiệm bồi thường thiệt hại nhiều khi phát sinh rất lớn nên doanh nghiệp bảo hiểm và khách hàng tham gia bảo hiểm có thể giới hạn số tiền phải bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm bằng số tiền bảo hiểm nhất định.

### **Câu hỏi 33. DNBH có quyền đại diện cho khách hàng mua bảo hiểm để thương lượng với bên thứ ba (người bị thiệt hại) hay không?**

#### **Trả lời:**

DNBH có thể là người thay mặt cho khách hàng mua bảo hiểm để bồi thường thiệt hại cho người thứ ba. Vì vậy DNBH có thể thay mặt khách hàng mua bảo hiểm thương lượng với người thứ ba. Hơn nữa, việc thay mặt này làm cho thương lượng dễ dàng hơn. Điều 56 Luật KDBH quy định:

*“Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền thay mặt bên mua bảo hiểm để thương lượng với người thứ ba về mức độ bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp có thoả thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm”*

Thường là doanh nghiệp bảo hiểm luôn xử lý nhiều vụ trách nhiệm dân sự nên có kinh nghiệm hơn khách hàng tham gia bảo hiểm trong việc giải quyết tranh chấp với người thứ 3 bị thiệt hại do lỗi của khách hàng gây ra.

### **Câu hỏi 34. DNBH có thể trả tiền bảo hiểm cho người thứ ba khi chưa có sự đồng ý của khách hàng hay không?**

#### **Trả lời:**

DNBH không thể tự ý trả tiền cho người thứ ba nếu không được sự chấp thuận của khách hàng được bảo hiểm. Quy định tại Điều 57 Luật KDBH khẳng định:

*“Theo yêu cầu của người được bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có thể bồi thường trực tiếp cho người được bảo hiểm hoặc cho người thứ ba bị thiệt hại.”*

Điều này nhằm bảo vệ quyền và lợi ích khách hàng trong việc thương lượng, hoà giải, chấp thuận và bồi thường thiệt hại cho người thứ 3. Nhiều khi Luật quy định nếu lỗi nặng hoặc nếu không bồi thường đầy đủ cho người thứ 3 thì khách hàng có thể bị truy tố theo Luật hình sự. Mặt khác, doanh nghiệp bảo hiểm chỉ bảo hiểm trong phạm vi số tiền bảo hiểm nhất định nên có trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm chỉ bồi thường một phần thiệt hại nói trên (trong phạm vi số tiền bảo hiểm) còn lại khách hàng phải gánh chịu.

### Câu hỏi 35. Đại lý bảo hiểm là gì, họ hoạt động như thế nào?

#### Trả lời:

Điều 84 Luật KDBH quy định đại lý là người đưa sản phẩm bảo hiểm đến tận tay người có yêu cầu bảo hiểm. Họ hoạt động trong phạm vi ủy quyền của DNBH được thể hiện trong hợp đồng đại lý ký kết giữa DNBH và đại lý bảo hiểm:

*“Đại lý bảo hiểm là tổ chức, cá nhân được doanh nghiệp bảo hiểm uỷ quyền trên cơ sở hợp đồng đại lý bảo hiểm để thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.”*

Điều 85 Luật KDBH quy định:

*“Đại lý bảo hiểm có thể được doanh nghiệp bảo hiểm uỷ quyền tiến hành các hoạt động sau đây:*

- 1. Giới thiệu, chào bán bảo hiểm;*
- 2. Thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm;*
- 3. Thu phí bảo hiểm;*
- 4. Thu xếp giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;*
- 5. Thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng bảo hiểm.”*

Như vậy, đại lý bảo hiểm hoạt động nhân danh doanh nghiệp bảo hiểm và mang lại lợi ích cho doanh nghiệp bảo hiểm nhưng chỉ được làm những công việc mà doanh nghiệp bảo hiểm cho phép đã được nêu trong hợp đồng đại lý bảo hiểm.

### Câu hỏi 36. Muốn hoạt động đại lý bảo hiểm cần có điều kiện gì để đảm bảo vừa bán được bảo hiểm vừa đảm bảo được quyền và lợi ích của doanh nghiệp bảo hiểm cũng như quyền và lợi ích của khách hàng?

#### Trả lời:

Hoạt động đại lý là hoạt động có điều kiện. Chỉ có người đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định của pháp luật mới được hoạt động đại lý. Điều 86 Luật KDBH quy định:

*“1. Cá nhân hoạt động đại lý bảo hiểm phải có đủ các điều kiện sau đây:*

- a) Là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam;
- b) Từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- c) Có chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm hoặc Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam cấp.

2. Tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm phải có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Là tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp;
- b) Nhân viên trong tổ chức đại lý trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm phải có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vi phạm các tội theo quy định của pháp luật không được ký kết hợp đồng đại lý bảo hiểm.”

Khách hàng có thể kiểm tra tư cách đại lý bằng việc yêu cầu đại lý xuất trình hợp đồng đại lý hoặc chứng chỉ đào tạo đại lý.

### **Câu hỏi 37. Trách nhiệm của DNBH và đại lý bảo hiểm khi gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng được bảo hiểm?**

#### **Trả lời:**

Đại lý bảo hiểm hoạt động theo sự ủy quyền của DNBH. Vì vậy hành vi của đại lý gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng tham gia bảo hiểm vẫn thuộc về trách nhiệm của DNBH. Tuy nhiên, sau đó DNBH sẽ có kèm theo biện pháp xử lý thích hợp với đại lý vi phạm. Điều 88 Luật KDBH quy định:

*“Trong trường hợp đại lý bảo hiểm vi phạm hợp đồng đại lý bảo hiểm, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng được bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải chịu trách nhiệm về hợp đồng bảo hiểm do đại lý bảo hiểm thu xếp giao kết; đại lý bảo hiểm có trách nhiệm bồi hoàn cho doanh nghiệp bảo hiểm các khoản tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường cho người được bảo hiểm.”*

Như vậy, đại lý do vô tình hay hữu ý gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của khách hàng thì người chịu trách nhiệm vẫn là doanh nghiệp bảo hiểm. Sau đó doanh nghiệp bảo hiểm sẽ xử lý đại lý là việc của doanh nghiệp bảo hiểm.

### **Câu hỏi 38. Nguyên tắc hoạt động đại lý bảo hiểm được quy định như thế nào để tôn trọng quyền và lợi ích của khách hàng?**

#### **Trả lời:**

Cán bộ của DNBH không được làm đại lý cho chính DNBH của mình. Đại lý bảo hiểm không được làm đại lý bảo hiểm đồng thời tại nhiều doanh nghiệp khác nhau. Điều 28 Nghị định 45 quy định:

*“1. Tổ chức, cá nhân hoạt động đại lý bảo hiểm phải có đủ điều kiện hoạt động đại lý theo quy định tại Điều 86 của Luật Kinh doanh bảo hiểm và phải ký hợp đồng đại lý bảo hiểm theo quy định tại Điều 87 của Luật Kinh doanh bảo hiểm.*

*2. Cán bộ, nhân viên của doanh nghiệp bảo hiểm không được làm đại lý bảo hiểm cho chính doanh nghiệp bảo hiểm đó.*

*3. Tổ chức, cá nhân không được đồng thời làm đại lý cho doanh nghiệp bảo hiểm khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của doanh nghiệp bảo hiểm mà mình đang làm đại lý.*

*4. Đại lý bảo hiểm không được xúi giục khách hàng huỷ bỏ hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực dưới mọi hình thức.”*

Những quy định trên nhằm đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của khách hàng và hạn chế hoạt động cạnh tranh bất hợp pháp của đại lý.

### **Câu hỏi 39. Các hành vi bị nghiêm cấm đối với đại lý bảo hiểm như thế nào để đảm bảo lợi ích cho khách hàng?**

#### **Trả lời:**

Để đảm bảo quyền lợi của khách hàng, luật pháp nghiêm cấm đại lý bảo hiểm có những hành vi làm tổn hại đến lợi ích của khách hàng và cạnh tranh không lành mạnh. Điểm 3, Mục V về Đại lý bảo hiểm trong TT 98 quy định rõ:

*“3.1. Thông tin, quảng cáo sai sự thật về nội dung, phạm vi hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm; điều kiện và điều khoản bảo hiểm làm tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm;*



3.2. Ngăn cản bên mua bảo hiểm cung cấp các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm hoặc xúi giục bên mua bảo hiểm không kê khai các chi tiết liên quan đến hợp đồng bảo hiểm;

3.3. Tranh giành khách hàng dưới các hình thức ngăn cản, lôi kéo, mua chuộc, đe dọa nhân viên hoặc khách hàng của doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm khác;

3.4. Khuyến mại khách hàng dưới hình thức bất hợp pháp như hứa hẹn giảm phí bảo hiểm, hoàn phí bảo hiểm hoặc các quyền lợi khác mà doanh nghiệp bảo hiểm không cung cấp cho khách hàng.

3.5. Xúi giục bên mua bảo hiểm hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm hiện có để mua hợp đồng bảo hiểm mới.”

#### **Câu hỏi 40. Cá nhân có được làm môi giới không, nội dung hoạt động môi giới bảo hiểm được pháp luật quy định như thế nào để đảm bảo lợi ích cho khách hàng?**

##### **Trả lời:**

Cá nhân không được phép hành nghề môi giới bảo hiểm. Chỉ có doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được Bộ Tài chính cấp phép mới được làm môi giới bảo hiểm. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải hoạt động theo những nội dung đã được quy định của Luật KDBH. Điều 89 Luật KDBH quy định:

*“Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm là doanh nghiệp thực hiện hoạt động môi giới bảo hiểm theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.”*

Điều 90 Luật KDBH cũng quy định về nội dung hoạt động môi giới bảo hiểm:

*“Nội dung hoạt động môi giới bảo hiểm bao gồm:*

- 1. Cung cấp thông tin về loại hình bảo hiểm, điều kiện, điều khoản, phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm;*
- 2. Tư vấn cho bên mua bảo hiểm trong việc đánh giá rủi ro, lựa chọn loại hình bảo hiểm, điều kiện, điều khoản, biểu phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm;*

3. Đàm phán, thu xếp giao kết hợp đồng bảo hiểm giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm;
4. Thực hiện các công việc khác có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của bên mua bảo hiểm.”

### **Câu hỏi 41. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có quyền và nghĩa vụ gì liên quan đến quyền và lợi ích của doanh nghiệp bảo hiểm và của khách hàng?**

#### **Trả lời:**

Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm là người tư vấn không lương cho khách hàng có nhu cầu bảo hiểm nhưng lại được bù đắp tiền lương này bằng hoa hồng môi giới do DNBH chi trả. Không vì thu được hoa hồng môi giới cao mà doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tìm cách tư vấn sai cho khách hàng mua bảo hiểm với phí cao hoặc chỉ mua bảo hiểm của DNBH trả hoa hồng môi giới cao. Nếu phát hiện ra việc này, khách hàng có thể kiện công ty môi giới bảo hiểm, nhất là trường hợp đã mua bảo hiểm mà không được giải quyết bồi thường cho những rủi ro tổn thất được bảo hiểm. Điều 91 Luật KDBH quy định:

*“1. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được hưởng hoa hồng môi giới bảo hiểm. Hoa hồng môi giới bảo hiểm được tính trong phí bảo hiểm.*

*2. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có nghĩa vụ:*

*a) Thực hiện việc môi giới trung thực;*

*b) Không được tiết lộ, cung cấp thông tin làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm;*

*c) Bồi thường thiệt hại cho bên mua bảo hiểm do hoạt động môi giới bảo hiểm gây ra.”*

## **Câu hỏi 42. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho hoạt động môi giới bảo hiểm không và ý nghĩa của việc này?**

### **Trả lời:**

Đây là điều bắt buộc với doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nếu cán bộ môi giới non yếu về nghề nghiệp dẫn đến tư vấn sai cho khách hàng chọn sản phẩm bảo hiểm không bảo vệ đủ những rủi ro tổn thất hoặc lựa chọn DNBH không đủ khả năng bồi thường. Điều 92 Luật KDBH nêu rõ:

*“Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho hoạt động môi giới bảo hiểm tại doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động ở Việt Nam.”*

Nếu cán bộ mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp khi tư vấn cho khách hàng lựa chọn sản phẩm bảo hiểm với những điều kiện, điều khoản bảo hiểm không đầy đủ, không được giải quyết bồi thường hoặc tư vấn cho khách hàng lựa chọn doanh nghiệp bảo hiểm không đủ khả năng tài chính để giải quyết bồi thường nhanh gọn thì doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải bồi thường cho khách hàng.

## **Câu hỏi 43. Nhiệm vụ của môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm?**

### **Trả lời:**

Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm là trung gian giữa khách hàng và DNBH, đóng góp tích cực vào khâu phân phối sản phẩm bảo hiểm, được hưởng hoa hồng môi giới bảo hiểm từ DNBH, được khách hàng tin cậy ủy thác cho việc giao dịch với DNBH nên nhiệm vụ rất nặng nề. Điều 18 khoản 2,3,4 NĐ 45 quy định:

*“..2. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm hướng dẫn, tư vấn cho khách hàng tham gia bảo hiểm theo yêu cầu của khách hàng.*

*3. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm có nghĩa vụ:*

*a) Giải thích trung thực các thông tin về sản phẩm bảo hiểm để bên mua bảo hiểm hiểu rõ sản phẩm bảo hiểm dự định mua;*

*b) Không được tiết lộ, cung cấp thông tin làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm.*

4. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm không được tác động để bên mua bảo hiểm cung cấp sai lệch hoặc không cung cấp các thông tin cần thiết cho doanh nghiệp bảo hiểm.”

#### **Câu 44. Thông báo tuổi trong bảo hiểm nhân thọ**

- Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ thông báo chính xác tuổi của người được bảo hiểm vào thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm để làm cơ sở tính phí bảo hiểm.

- Trong trường hợp bên mua bảo hiểm thông báo sai tuổi của người được bảo hiểm, nhưng tuổi đúng của người được bảo hiểm không thuộc nhóm tuổi có thể được bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm và hoàn trả số phí bảo hiểm đã đóng cho bên mua bảo hiểm sau khi đã trừ các chi phí hợp lý có liên quan. Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm đã có hiệu lực từ hai năm trở lên thì doanh nghiệp bảo hiểm phải trả cho bên mua bảo hiểm giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm.

- Trong trường hợp bên mua bảo hiểm thông báo sai tuổi của người được bảo hiểm làm giảm số phí bảo hiểm phải đóng, nhưng tuổi đúng của người được bảo hiểm vẫn thuộc nhóm tuổi có thể được bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền:

+ Yêu cầu bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm bổ sung tương ứng với số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trong hợp đồng;

+ Giảm số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm tương ứng với số phí bảo hiểm đã đóng.

- Trong trường hợp bên mua bảo hiểm thông báo sai tuổi của người được bảo hiểm dẫn đến tăng số phí bảo hiểm phải đóng, nhưng tuổi đúng của người được bảo hiểm vẫn thuộc nhóm tuổi có thể được bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm phải hoàn trả cho bên mua bảo hiểm số phí bảo hiểm vượt trội đã đóng hoặc tăng số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm tương ứng với số phí bảo hiểm đã đóng.

#### **Câu 45. Đóng phí trong bảo hiểm nhân thọ**

- Bên mua bảo hiểm có thể đóng phí bảo hiểm một lần hoặc nhiều lần theo thời hạn, phương thức thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

- Trong trường hợp phí bảo hiểm được đóng nhiều lần và bên mua bảo hiểm đã đóng một hoặc một số lần phí bảo hiểm nhưng không thể đóng được các khoản phí bảo hiểm tiếp theo thì sau thời hạn 60 ngày, kể từ ngày gia hạn đóng phí, doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng, bên mua bảo hiểm không có

quyền đòi lại khoản phí bảo hiểm đã đóng nếu thời gian đã đóng phí bảo hiểm dưới hai năm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

- Trong trường hợp bên mua bảo hiểm đã đóng phí bảo hiểm từ hai năm trở lên mà doanh nghiệp bảo hiểm đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng thì doanh nghiệp bảo hiểm phải trả cho bên mua bảo hiểm giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

- Các bên có thể thỏa thuận khôi phục hiệu lực hợp đồng bảo hiểm đã bị đơn phương đình chỉ thực hiện trong thời hạn hai năm, kể từ ngày bị đình chỉ và bên mua bảo hiểm đã đóng số phí bảo hiểm còn thiếu.

# ABOUT

*Hỗ trợ ôn tập là một dự án phi lợi nhuận hướng tới cộng đồng.*

Với mục đích đem đến kiến thức miễn phí cho tất cả mọi người, chúng tôi sẽ hỗ trợ các bạn tốt nhất trong lĩnh vực giáo dục bằng cách cung cấp cho các bạn tài liệu ôn tập miễn phí, đề cương ôn tập miễn phí.

Các bạn sẽ không cần phải lo về đề cương, về tài liệu, về sách,... Các bạn chỉ việc theo dõi và để lại yêu cầu cho đội nhóm chúng tôi, còn việc tìm kiếm và biên soạn tài liệu đã có chúng tôi lo!!!!

## **Hiện giờ, chúng tôi đang hỗ trợ về**

1. Tài liệu ôn tập tiếng anh FREE.
2. Tài liệu ôn thi đại học FREE
3. Tài liệu ôn thi cấp 3 FREE
4. Đề cương ôn thi chương trình Đại học FREE.
5. Một số tài liệu khác.

## **Liên hệ và kết nối với chúng tôi:**

- ✓ Facebook: [facebook.com/HoTroOnTap](https://facebook.com/HoTroOnTap)
- ✓ Fanpage: [facebook.com/HoTroOnTapPage](https://facebook.com/HoTroOnTapPage)
- ✓ Group: [facebook.com/groups/HoTroOnTapGroup](https://facebook.com/groups/HoTroOnTapGroup)
- ✓ Website: [hotroontap.com](https://hotroontap.com)